

TỔNG CTCP BIA-RƯỢU-NGK SÀI GÒN
CTCP BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 53/2025 /TB - BMS

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

(V/v đấu giá phụ tùng thay thế)

Hiện nay Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Hà Nội đang có nhu cầu bán thanh lý phụ tùng thay thế theo danh sách đính kèm.

Vậy đơn vị, cá nhân nào có nhu cầu muốn mua thanh lý các loại phụ tùng nói trên , đề nghị gửi thư tham gia đấu giá đến CTCP Bia Sài Gòn– Hà Nội.

Thư gửi đến Công ty đề rõ: Thư tham gia đấu giá mua thanh lý các loại phụ tùng

Người nhận: -Ms Phượng Phòng Kế Hoạch & Mua Hàng

-SDT: 0983.210.502

Địa chỉ: Công Ty Cổ Phần Bia Sài Gòn Hà Nội

A2CN8 Cụm CN Từ Liêm. Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

(Chú ý: thư được gửi đến trong phong bì dán kín)

Thời hạn nhận thư tham gia đấu giá: 30/ 5 /2025

Hội đồng thanh lý Công ty sẽ họp xem xét các thư đấu giá. Đơn vị, cá nhân nào trả giá cao nhất sẽ được Công ty gửi thông báo xác nhận để làm các thủ tục mua bán thanh lý .

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI



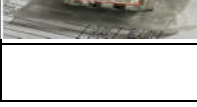
GIÁM ĐỐC
Lê Việt Quý

DANH SÁCH ĐÍNH KÈM

STT	Mã kết toán	Thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá đề xuất thanh lý	Tổng giá trị	Hình ảnh	Tình trạng
1	Z10PTTT020.5	Dây đai 8M2800	Sợi	1	434,530	434,530		Hàng cũ, vẫn sử dụng được
2	Z10PTTT135.3	Vòng bi 6805 NMS	Cái	79	60,000	4,740,000		
3	Z10PTTT201.1	ống dẫn keo 1.2m	Cái	1	10,620,106	10,620,106		
4	Z10PTTT104	ống bơm NBR SPX50	Cái	1	19,031,000	19,031,000		
5	Z10PTTT484	Chổi cầu: 1-080-63-026-0	Cái	1	7,210,183	7,210,183		
6	Z10PTTT176.2	Chổi quét keo 103.0059	Cái	1	13,204,016	13,204,016		
7	Z10PTTT228.1	Chục hút lon silicol	Chiếc	141	55,000	7,755,000		
8	Z10PTTT228.2	Chục hút bia F50*18*43	Chiếc	79	72,428.57	5,721,857		
9	Z10PTTT228.4	Chục hút bia F35*18*40	Chiếc	70	66,039.6	4,622,772		
10	Z10PTTT228.5	Chục hút bia F60*18*30	Chiếc	85	74,762.72	6,354,831		
11	Z10PTTT228.8	Chục hút Silicon	Cái	195	53,872	10,505,000		
12	Z10PTTT421.4	Bánh nhông chủ động Z9,DF 30mm	Cái	5	1,123,000	5,615,000		
13	Z10PTTT142.16	Gioăng đầu chiết lon H23515010601	Chiếc	46	580,776	26,715,676		
14	Z10PTTT201	ống dẫn nhiệt 2.5M/6mm	Chiếc	1	17,255,064	17,255,064		
15	Z10PTTT020.7	Dây đai L12M/56SG	Sợi	1	544,122	544,122		

16	Z10PTTT180.4	ống lót	Cái	1	194,489	194,489	
17	Z10PTTT142.41	Gioăng Viton	Cái	2	814,504	1,629,008	
18	Z10PTTT142.73	Zoăng AO/SC 745x103	Cái	25	53,342	1,333,548	
19	Z10PTTT027.3	Đầu bép phun 0.8mm 971x112	Cái	10	835,895	8,358,954	
20	Z10PTTT320	Đầu phân phối keo	Chiếc	1	3,254,328	3,254,328	
21	Z10PTTT078.7	Lò xo 8*16*76(10407)	Cái	2	282,875	565,750	
22	Z10PTTT028.18	Lọc keo : 914 XX243	Cái	2	1,124,946	2,249,891	
23	Z10PTTT134.33	Con lăn ghép mí 622083	Cái	5	16,661,667	83,308,333	
24	Z10PTTT041.25	Gioăng van chống rò DN 100	Cái	6	2,388,833	14,333,000	
25	Z10PTTT078.1	Lò xo G 81268805S002	Chiếc	1	4,898,082	4,898,082	
26	Z10PTTT027.1	Đầu phun của thiết bị phun dung dịch	Cái	8	7,709,124	61,672,988	
27	Z10PTTT005.2	Khớp nối của ống dẫn nhiệt SX4	Cái	1	33,162,997	33,162,997	
28	Z10PTTT184.5	Van điện từ (M8)	Cái	2	4,320,630	8,641,259	
29	Z10PTTT206	Mặt bích(20169)	Cái	1	344,470	344,470	
30	Z10PTTT094.1	Vít tròn rỗng (20030)	Cái	1	720,946	720,946	
31	Z10PTTT078.9	Lò xo cho van sinhon(20032)	Cái	2	399,548	799,095	
32	Z10PTTT142.42	Gioăng Viton(20025, from 20024 assembly)	Cái	4	114,471	457,883	

Hàng cũ,
vẫn sử
dụng được

33	Z10PTTT142.38	Gioăng(chịu nhiệt)(20260)	Cái	1	1,262,481	1,262,481		Hàng cũ, vẫn sử dụng được
34	Z10PTTT142	Gioăng	Cái	4	57,696	230,785		
35	Z10PTTT142.39	Gioăng(20091)	Cái	1	220,136	220,136		
36	Z10PTTT078.8	Lò xo trong valve(20028)	Cái	2	325,802	651,604		
37	Z10PTTT081.3	ống phân phối khí	Bộ	7	3,315,000	23,205,000		
38	Z10PTTT146.10	Thanh dẫn hướng 301104364111	Cái	2	22,424,981	44,849,961		
39	Z10PTTT112.8	Dây cáp ngoài (L1099)	Cái	1	1,261,295	1,261,295		
40	Z10PTTT112.10	Dây cáp nối kênh 2(K0114)	Cái	1	6,063,151	6,063,151		
41	Z10PTTT132.1	Đầu nối 6 chân(bằng nhựa chân sắt tráng kim)	Cái	1	691,313	691,313		
42	Z10PTTT132.2	Đầu nối cho bảng mạch điện tử(bằng nhựa chân sắt)	Cái	1	320,586	320,586		
43	Z10PTTT112.9	Dây cáp nối kênh 1(K0155)	Cái	1	6,063,151	6,063,151		
44	Z10PTTT033.11	Cảm biến nhiệt độ 240	Cái	1	3,385,396	3,385,396		
45	Z10PTTT045.3	Van từ 24V: 910XX470	Cái	1	1,273,301	1,273,301		
46	Z10PTTT033.12	Cảm biến PSA-VO1P-RC1/8	Cái	1	1,600,000	1,600,000		
47	Z10PTTT210.3	Động cơ giảm tốc 5.5km	Cái	1	7,500,000	7,500,000		
48	Z10PTTT045.1	Van cấp khí cho xy lanh: 769XX665	Cái	2	3,314,419	6,628,837		
TỔNG CỘNG						471,461,175		